

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29- 11- 2018

V/v ly hôn giữa chị T và anh G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Ông Nguyễn Văn Khôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lộc Thị T**, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nơi ở: Thôn L, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* **Vi Văn G**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Lộc Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Vi Văn G trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/4/2005 tại UBND xã A, huyện S. Tình cảm vợ chồng ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2007, nguyên nhân do

anh G chơi cờ bạc, rượu chè, phá tán tài sản gia đình, chị khuyên bảo thì anh G lại gây sự chửi mắng, đánh đập chị; do không thể chịu đựng được nên tháng 2/2018 chị đã đưa hai con về bên ngoại ở thôn L, xã V, huyện S ở, sống ly thân với anh G. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn nhau.

Vợ chồng có 2 con chung là cháu Vi Thị Thùy D, sinh ngày 25/01/2006, cháu Vi Văn T, sinh ngày 30/8/2010; hiện tại chị đang nuôi dưỡng cả hai con. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 2 con, chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu ly hôn anh G, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung; do anh G hiện đang vắng mặt tại địa phương nên chị chưa yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con, khi nào anh G trở về địa phương chị sẽ yêu cầu cấp dưỡng sau.

2. Bị đơn là anh Vi Văn G bỏ nhà đi vào các tỉnh phía nam làm ăn, anh G bỏ đi không trình báo chính quyền địa phương, không thông báo cho chị T và những người thân trong gia đình biết về địa chỉ nơi lao động hoặc nơi ở mới, nhưng anh G vẫn liên lạc với người thân theo số điện thoại 0943.249.6xx. Tòa án đã xác minh, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng anh G không chấp hành nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh G.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Anh Vi Văn G là bị đơn bỏ nhà đi hiện nay không rõ làm gì, ở đâu, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh G vẫn vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lộc Thị T và anh Vi Văn G được ly hôn nhau; giao 2 con chung là Vi Thị Thùy D và Vi Văn T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T chưa yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Vi Văn G bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho chị Lộc Thị T và những người thân trong gia đình biết nơi lao động hoặc nơi ở mới, chính quyền địa phương nơi anh Giang cư trú cũng không biết anh G đi đâu, ở đâu,

nhưng anh G vẫn liên lạc với người thân qua số điện thoại di động; như vậy, anh G đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và các Giấy triệu tập theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh G là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lộc Thị T và anh Vi Văn G kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp; chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh G, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị T yêu cầu ly hôn với lý do anh G chơi bời cờ bạc, rượu chè, phá tán tài sản gia đình, anh G cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh G. Xét thấy chị T và anh G đã sống ly thân nhau, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình nữa, cả hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh G có 2 con chung là cháu Vi Thị Thùy D, sinh ngày 25/01/2006 và cháu Vi Văn T, sinh ngày 30/8/2010; hiện tại chị T đang nuôi dưỡng cả 2 con. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung. Xét thấy anh G đang bỏ đi khỏi nơi cư trú, chị T đang nuôi dưỡng 2 con ổn định, đảm bảo cuộc sống cho các con, cháu D và cháu T đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng ở với mẹ; vì thế cần giao cho chị T nuôi dưỡng cả 2 con chung là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do anh G không có mặt tại địa phương nên chị T chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh G; khi nào chị T yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T là thành viên hộ nghèo, là dân tộc thiểu số sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lộc Thị T và anh Vi Văn G được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cho chị Lộc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Vi Thị Thùy D, sinh ngày 25/01/2006, cháu Vi Văn T, sinh ngày 30/8/2010;

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vi Văn G;

Không ai được cản trở anh G quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lộc Thị T.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục Thi hành án DS huyện SĐ
- UBND xã A
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái